

biện pháp triển khai thực hiện cổ phần hóa để báo cáo Bộ xử lý kịp thời./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN HỒNG QUÂN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

**NGHỊ QUYẾT của Hội đồng Thẩm phán
Tòa án nhân dân tối cao số 04/2003/
NQ-HĐTP ngày 27/5/2003 hướng
dẫn áp dụng một số quy định của
pháp luật trong việc giải quyết
các vụ án kinh tế.**

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ vào Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

Để áp dụng đúng và thống nhất các quy định của pháp luật trong việc giải quyết các vụ án kinh tế, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

QUYẾT NGHỊ:

I. VIỆC XÁC ĐỊNH HỢP ĐỒNG KINH TẾ VÔ HIỆU

1. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8

Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế thì hợp đồng kinh tế bị coi là vô hiệu toàn bộ khi “một trong các bên ký kết hợp đồng kinh tế không có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật để thực hiện công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng”. Khi áp dụng quy định này cần phân biệt như sau:

a) Nếu khi ký kết hợp đồng kinh tế một trong các bên chưa có đăng ký kinh doanh mà trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế giữa các bên có phát sinh tranh chấp và đến trước thời điểm phát sinh tranh chấp, bên chưa có đăng ký kinh doanh khi ký kết hợp đồng kinh tế vẫn chưa có đăng ký kinh doanh để thực hiện công việc được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, thì hợp đồng kinh tế này thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế và bị coi là vô hiệu toàn bộ.

Ví dụ: Trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty A chưa có đăng ký ngành nghề xây dựng công nghiệp, nhưng Công ty A đã ký hợp đồng kinh tế về việc nhận thầu thi công xây dựng nhà xưởng cho Công ty B. Trong quá trình thi công, giữa các bên có phát sinh tranh chấp từ việc thực hiện hợp đồng và một trong các bên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi giải quyết vụ án này, nếu có đủ căn cứ cho thấy đến trước thời điểm phát sinh tranh chấp Công ty A vẫn chưa được đăng ký bổ sung ngành nghề xây dựng công nghiệp thì Tòa án áp dụng điểm b khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế tuyên bố hợp đồng kinh tế này vô hiệu toàn bộ và xử lý hợp đồng kinh tế vô hiệu theo quy định tại Điều 39 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế.

b) Nếu khi ký kết hợp đồng kinh tế một trong các bên chưa có đăng ký kinh doanh, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế giữa các bên có phát sinh tranh chấp và đến trước thời điểm phát sinh tranh chấp, bên chưa có đăng ký kinh doanh khi ký kết hợp đồng đã có đăng ký kinh doanh để thực hiện công việc được các bên thỏa thuận trong hợp đồng thì hợp đồng kinh tế này không thuộc trường hợp quy định tại điểm b

khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế và do đó không bị coi là vô hiệu toàn bộ.

Ví dụ: Nếu trong Ví dụ tại điểm a mục 1 này khi giải quyết vụ án, nếu có đủ căn cứ cho thấy đến trước thời điểm phát sinh tranh chấp Công ty A đã được đăng ký bổ sung ngành nghề xây dựng công nghiệp thì hợp đồng kinh tế này không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế và không bị coi là vô hiệu toàn bộ.

2. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế thì hợp đồng kinh tế bị coi là vô hiệu toàn bộ khi: “Người ký hợp đồng kinh tế không đúng thẩm quyền...”.

Để phù hợp với tinh thần quy định tại Điều 154 Bộ Luật Dân sự thì hợp đồng kinh tế không bị coi là vô hiệu toàn bộ, nếu người ký kết hợp đồng kinh tế không đúng thẩm quyền nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, người mà theo quy định của pháp luật có thẩm quyền ký kết hợp đồng kinh tế đó (sau đây gọi tắt là người có thẩm quyền) chấp thuận. Được coi là người có thẩm quyền chấp thuận nếu người đó đã biết hợp đồng kinh tế đã được ký kết mà không phản đối.

Được coi là người có thẩm quyền đã biết mà không phản đối khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Sau khi hợp đồng kinh tế đã được ký kết, có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng người ký kết hợp đồng kinh tế đã báo cáo với người có thẩm quyền biết hợp đồng kinh tế đã được ký kết (việc báo cáo đó được thể hiện trong biên bản họp giao ban của Ban giám đốc, biên bản cuộc họp của Hội đồng thành viên hay Hội đồng quản trị, có nhiều người khai thống nhất về việc báo cáo là có thật...).

b) Người có thẩm quyền thông qua các chứng từ, tài liệu về kế toán, thống kê biết được hợp đồng kinh tế đó đã được ký kết và đang được thực hiện (đã ký trên hóa đơn, phiếu xuất kho, các

khoản thu chi của việc thực hiện hợp đồng kinh tế hoặc trên sổ sách kế toán của pháp nhân...).

c) Người có thẩm quyền có những hành vi chứng minh có tham gia thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng kinh tế (ký các văn bản xin gia hạn thời gian thanh toán, cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, ký các văn bản duyệt thu, chi hay quyết toán đối chiếu công nợ liên quan đến việc thực hiện hợp đồng kinh tế...).

d) Người có thẩm quyền đã trực tiếp sử dụng các tài sản, lợi nhuận có được do việc ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế mà có (sử dụng xe ô tô để đi lại, để kinh doanh mà biết do việc ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế đó mà có; sử dụng trụ sở làm việc do việc ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế thuê tài sản...).

3. Đối với hợp đồng kinh tế mà trong nội dung của hợp đồng các bên có thỏa thuận giá cả, thanh toán bằng ngoại tệ cần phân biệt như sau:

a) Nếu trong nội dung của hợp đồng kinh tế các bên có thỏa thuận giá cả, thanh toán bằng ngoại tệ trong khi đó một hoặc các bên không được phép thanh toán bằng ngoại tệ, thì hợp đồng kinh tế bị coi là vô hiệu toàn bộ thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế (các bên vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý ngoại tệ). Trong trường hợp này nếu một hoặc các bên có yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo thủ tục chung.

b) Nếu trong nội dung của hợp đồng kinh tế các bên có thỏa thuận giá cả, thanh toán bằng ngoại tệ trong khi đó một hoặc các bên không được phép thanh toán bằng ngoại tệ, nhưng sau đó các bên có thỏa thuận thanh toán bằng Đồng Việt Nam hoặc trong nội dung của hợp đồng kinh tế các bên thỏa thuận sử dụng ngoại tệ làm đồng tiền định giá (để bảo đảm ổn định giá trị của hợp đồng) nhưng việc thanh toán là bằng Đồng Việt

Nam, thì hợp đồng kinh tế không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế và do đó không bị coi là vô hiệu toàn bộ.

II. VIỆC XỬ LÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ VÔ HIỆU

Điểm a khoản 2 Điều 39 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế quy định: “Các bên có nghĩa vụ hoàn trả cho nhau tất cả tài sản đã nhận được từ việc thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền, nếu tài sản đó không bị tịch thu theo quy định của pháp luật”. Khi áp dụng quy định này cần phân biệt như sau:

1. Đối với tài sản là động sản

a) Hoàn trả được tài sản đã nhận là trường hợp bên đã nhận được tài sản từ việc thực hiện hợp đồng kinh tế chưa khai thác, sử dụng và vẫn bảo quản giữ nguyên được chất lượng, chức năng, công dụng của tài sản đó. Không chấp nhận việc hoàn trả tài sản tuy đúng chủng loại, chất lượng, chức năng, công dụng nhưng không phải chính là tài sản đã nhận được từ việc thực hiện hợp đồng kinh tế đó, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác không trái pháp luật.

b) Không thể hoàn trả được tài sản đã nhận bằng hiện vật khi tài sản đã nhận được từ việc thực hiện hợp đồng kinh tế thuộc một trong các trường hợp sau đây:

b1) Đã được đưa vào khai thác, sử dụng;

b2) Đã bị mất mát, hư hỏng;

b3) Đã được chuyển giao cho người khác và đã được đưa vào khai thác, sử dụng hoặc bị mất mát, hư hỏng hoặc quá thời hạn sử dụng;

b4) Không còn giữ được chất lượng, chức năng, công dụng của tài sản mà do lỗi của bên nhận tài sản (ví dụ: người nhận được tài sản không bảo quản theo đúng quy định);

b5) Đã bị mất mát một hoặc một số bộ phận nào đó của tài sản mà không thể khôi phục lại được theo nguyên trạng khi nhận.

c) Trong trường hợp không thể hoàn trả được tài sản đã nhận bằng hiện vật được hướng dẫn tại điểm b mục 1 này thì bên nhận tài sản chỉ phải thanh toán bằng tiền cho bên giao tài sản theo giá đã được các bên thỏa thuận, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác không trái pháp luật.

d) Trong trường hợp hoàn trả tài sản là ngoại tệ đã nhận thì bên nhận ngoại tệ phải hoàn trả cho bên giao số ngoại tệ đã nhận được quy đổi ra tiền Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngoại tệ với Đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm nhận ngoại tệ đã được các bên thỏa thuận mà không có tính lãi, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác không trái pháp luật.

2. Đối với tài sản là bất động sản hoặc quyền sử dụng đất

Về nguyên tắc chung, việc xử lý tài sản là bất động sản hoặc quyền sử dụng đất là buộc bên đã nhận được tài sản từ việc thực hiện hợp đồng kinh tế phải hoàn trả cho bên giao tài sản.

Trong trường hợp bên đã nhận được tài sản đã tháo dỡ, sửa chữa, làm thêm mới, đầu tư làm tăng giá trị của tài sản đó, thì tùy từng trường hợp cụ thể mà buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, tháo dỡ hoặc thanh toán tiền cho nhau, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác không trái pháp luật.

3. Trách nhiệm chịu thiệt hại do hợp đồng kinh tế bị coi là vô hiệu toàn bộ

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế thì trong trường hợp hợp đồng kinh tế bị coi là vô hiệu toàn bộ, thiệt hại phát sinh các bên phải chịu mà không xem xét đến mức độ lỗi của các bên.